**BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, UBND TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH CỦA CÔNG DÂN VIỆT NAM VÀ**

**LUẬT NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH, CƯ TRÚ**

**CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Ngày 10/4/2023, Bộ Công an có Công văn số 1099/BCA-V03 gửi xin ý kiến các bộ, ngành, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Công an tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia như sau:

**I. Đối với dự thảo Luật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Cơ quan tham gia ý kiến** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| **A. Các nội dung liên quan đến Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam (Điều 1 dự thảo Luật)** | | | |
| **1.** | Bộ Ngoại giao | Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 18 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam như sau: “*Cấp hộ chiếu phổ thông cho người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện vọng về nước ngay, người không được phía nước ngoài cho cư trú, bị buộc xuất cảnh hoặc người tự nguyện về nước mà không còn hộ chiếu còn giá trị được quy định như sau…”* đồng thời bãi bỏ khoản 2 Điều 18 | Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì: những đối tượng nêu trên khác nhau do đó thủ tục cấp hộ chiếu không thể gộp vào cùng nhau. Cụ thể:  - Người ra nước ngoài có thời hạn bị mất hộ chiếu, có nguyện vọng về nước ngay, những người này đã có thông tin cấp hộ chiếu ở trong nước và thông tin xuất cảnh, trong trường hợp này Bộ Công an kiểm tra thông tin trên hệ thống dữ liệu, nếu có sẽ trả lời Cơ quan đại diện VN ở NN để cấp hộ chiếu ngay cho công dân.  - Người không được phía nước ngoài cho cư trú, bị buộc xuất cảnh, đây thường là những người đã xuất cảnh trái phép, do đó hầu hết không có thông tin trong cơ sở dữ liệu xuất nhập cảnh, nên khi cấp hộ chiếu cần phải có thời gian để kiểm tra, xác minh nhân thân tại địa phương. |
| Đề nghị tách riêng điểm c khoản 2 Điều 18 thành một khoản riêng | Bộ Công an tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 “Đối với trường hợp vì lý do nhân đạo, khẩn cấp, nếu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có đủ cơ sở xác định nhân thân, quốc tịch của người đề nghị cấp hộ chiếu, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có thể xem xét cấp hộ chiếu và phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an để phối hợp tiếp nhận, quản lý công dân khi về nước.”. |
| Về đề xuất chuyển thẩm quyền chủ trì đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến nhận trở lại công dân từ Bộ Ngoại giao giao Bộ Công an, Bộ Ngoại giao đề nghị nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến của Bộ Ngoại giao về vấn đề này nêu tại Công văn số 900/BNG-LS ngày 06/3/2023. | Về vấn đề này, Bộ Công an có ý kiến như sau: Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là đơn vị chủ trì ký kết thỏa thuận quốc tế trong việc tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú theo phân công của Chính phủ (Điều 45); Bộ Ngoại giao là đơn vị chủ trì trong việc ký kết điều ước quốc tế liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và tiếp nhận công dân Việt Nam không được phía nước ngoài cho cư trú (Điều 46). Như vậy cùng một vấn đề ký kết hợp tác quốc tế về nhận trở lại công dân nhưng có 02 Bộ chủ trì nên cần phải điều chỉnh lại, theo hướng chỉ giao một Bộ chủ trì.  Theo quy định của Luật Cư trú và Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cư trú và xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Công tác tiếp nhận công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú là một trong những nội dung của công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam. Nội dung của các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân chủ yếu quy định về trình tự, thủ tục xác minh nhân thân và tiếp nhận tại cửa khẩu công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú. Bộ Công an là đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện các hiệp định, thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú, như: tổ chức xác minh, cấp giấy tờ đi lại, thực hiện tiếp nhận công dân khi nước ngoài trao trả… Trong các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về nhận trở lại công dân Việt Nam đã ký kết đều quy định Bộ Công an (Cục Quản lý xuất nhập cảnh) là đầu mối thực hiện. Do đó, nếu giao cho Bộ Ngoại giao đề xuất đàm phán ký kết, Bộ Công an tổ chức thực hiện sẽ thiếu tính thống nhất, không bảo đảm tính kịp thời và không bám sát được thực tiễn.  Về việc thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài, trên thực tế Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chỉ thực hiện công tác bảo hộ trong giai đoạn công dân đang bị tố tụng (bị bắt giữ, xét xử), sau khi đã có quyết định xét xử, trục xuất của cơ quan chức năng nước ngoài thì việc xác minh, tổ chức tiếp nhận công dân Việt Nam bị nước ngoài trục xuất hoàn toàn do các cơ quan chức năng của Bộ Công an thực hiện.  Nhận trở lại công dân là một hoạt động trong công tác phòng, chống đưa người di cư trái phép. Qua nghiên cứu, nhận thấy hầu hết các quốc gia thành viên Nghị định thư về chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đều chỉ định các đơn vị An ninh, Cảnh sát là cơ quan đầu mối trao đổi thông tin.  Trên thực tế, gần đây Bộ Công an đã chủ trì đàm phán 03 thỏa thuận về nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú; kết quả đàm phán đảm bảo đáp ứng yêu cầu chính trị, đối ngoại.  Do vậy, Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |
| Về việc sửa đổi thủ tục cấp hộ chiếu ở nước ngoài (khoản 1a Điều 16 sửa đổi), Bộ Ngoại giao đề nghị sửa đổi điểm d như sau: *“Bản chụp có chứng thực giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ~~của Việt Nam~~ cấp chứng minh người đại diện hợp pháp…”* để phù hợp với đặc điểm, tình hình của người Việt Nam ở nước ngoài (do họ cư trú ở nước ngoài và không có điều kiện xin giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp). | Về vấn đề này, Bộ Công an có ý kiến như sau: Công dân Việt Nam đề nghị cấp hộ chiếu thì phải xuất trình giấy tờ pháp lý do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; trường hợp sử dụng giấy tờ do nước ngoài cấp thì phải hợp pháp hóa lãnh sự trước khi nộp kèm hồ sơ. Do vậy, Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |
| **2.** | Bộ Quốc phòng | Đề nghị thêm nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam theo hướng: Bổ sung 01 điểm vào sau điểm d “Giấy tờ khác theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. | Về vấn đề này, Bộ Công an có ý kiến như sau: Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế 2016, quy định: Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp; do vậy Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo. |
| Về đề xuất chuyển thẩm quyền chủ trì đề xuất đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế liên quan đến nhận trở lại công dân Việt Nam không được nước ngoài cho cư trú từ Bộ Ngoại giao sang Bộ Công an. | Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo (như đã giải trình ý kiến của Bộ Ngoại giao tại mục 1). |
| Đối với việc bổ sung quy định hủy giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông đối với các trường hợp đã được cấp hộ chiếu mà không đến nhận: Một số ý kiến đồng ý với việc bổ sung này; một số ý kiến đề nghị nghiên cứu, cân nhắc theo hướng quy định cách thức chuyển giao hộ chiếu đến công dân theo hình thức gửi bảo đảm (như đối với việc cấp, gửi Căn cước công dân đã được thực hiện có hiệu quả trong thời gian qua) để tránh lãnh phí, không cần thiết. | Về vấn đề này, Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì các lý do:  + Việc lựa chọn phương thức nhận kết quả cấp hộ chiếu (trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện) phụ thuộc vào nguyện vọng và nhu cầu của người dân. Khi có nhu cầu nhận kết quả qua bưu điện thì công dân tự thỏa thuận và nộp lệ phí với bưu điện, cơ quan quản lý XNC không can thiệp hoặc bắt buộc công dân phải nhận kết quả qua bưu điện.  - Trên thực tế số lượng hộ chiếu mà công dân không đến nhận không nhiều, nhưng cơ quan quản lý XNC không cơ sở pháp lý để xử lý số hộ chiếu này và cũng không liên hệ được với công dân để trả hộ chiếu, trong khi đó hộ chiếu có thời hạn 10 năm, có những trường hợp làm thủ tục cấp hộ chiếu nhưng 7-8 năm sau mới đến yêu cầu nhận lại hộ chiếu…  - Theo quy định hiện hành, hiện nay công dân cấp hộ chiếu từ lần thứ 2 hoặc đã được cấp CCCD thì được tùy chọn nơi nộp hồ sơ cấp hộ chiếu ở bất kỳ tỉnh thành nào, nên có người thường trú ở tỉnh thành này nhưng lại chọn nộp hồ sơ ở tỉnh thành khác. **Ví dụ:** công dân thường trú ở Hà Nội nhưng do đang đi du lịch, công tác… nên chọn nơi nộp hồ sơ và nhận kết quả tại tp Hồ Chí Minh, sau đó vì lý do gì đó không đến nhận hộ chiếu, thì hộ chiếu đó vẫn được lưu tại Tp Hồ Chí Minh. Hoặc có những trường hợp sau khi làm thủ tục cấp hộ chiếu không đến nhận kết quả, đồng thời thay đổi địa chỉ cứ trú nên có quan chức năng không liên hệ được để trả lại hộ chiếu….  - Ngoài ra, hiện nay có nhiều trường hợp công dân Việt Nam gửi hộ chiếu vào sứ quán nước ngoài để xin visa, sau khi không được cấp visa thì từ chối không đến nhận lại hồ sơ và hộ chiếu mặc dù phía nước ngoài đã thông báo cho công dân biết. Các cơ quan đại diện nước ngoài không liên hệ được với công dân để trả lại hộ chiếu nên họ gửi lại cơ quan cấp hộ chiếu để quản lý. Có trường hợp công dân nộp hộ chiếu cho Cơ quan điều tra, Tòa án, Cơ quan thi hành án để phục vụ công tác điều tra, xét xử, thi hành án nhưng sau đó từ chối nhận lại hộ chiếu, những trường hợp này Cơ quan điều tra, Tòa án, Cơ quan thi hành án lại gửi hộ chiếu về cơ quan cấp hộ chiếu để quản lý…  Về phía người dân, sau khi không đến nhận lại hộ chiếu thì họ khai báo mất hộ chiếu để cấp lại hộ chiếu mới (thực tế không bị mất hộ chiếu)…Tình trạng nêu trên gây khó khăn trong công tác quản lý, do đó cần thiết phải quy định trong luật để đảm bảo có cơ sở pháp lý xử lý các trường hợp này. |
|  |  |
| **B. Các nội dung liên quan đến Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của NNN tại Việt Nam (Điều 2 dự thảo Luật)** | | | |
| **1.** | Bộ Ngoại giao | Về điều kiện áp dụng e-visa (Điều 19a sửa đổi), Bộ Ngoại giao đề nghị sửa lại như sau:  “*1. Việc cấp thị thực điện tử được áp dụng trên cơ sở ~~có đi có lại,~~ đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đối ngoại và phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam.*  *2. Chính phủ quyết định danh sách cụ thể các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử*”.  Lời văn trong dự thảo hiện nay có thể gây mâu thuẫn vì đã quy định “cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước, vùng lãnh thổ” nhưng lại giao Chính phủ quyết định danh sách những nước, vùng lãnh thổ cụ thể nào được áp dụng, từ đó gây hiểu lầm và có thể dẫn đến phản ứng, thắc mắc của các nước. | Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo Luật do nội dung trên đã được nêu trong Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 3/2023. |
| Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 17 về thị thực SQ để cho phép CQĐD Việt Nam ở nước ngoài được quyền quyết định cấp thị thực trong một số trường hợp đối ngoại cần thiết hoặc khẩn cấp, vì lý do nhân đạo theo nguyên tắc CQĐD tự chịu trách nhiệm về việc cấp thị thực và phải thông báo việc cấp thị thực này cho Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an.  Điều 17.3 Luật Nhập xuất cảnh hiện đang quy định việc cấp thị thực SQ trong phạm vi rất hạn hẹp. Cụ thể, khách xin thị thực SQ phải có quan hệ công tác với CQĐD, có văn bản đề nghị của Bộ Ngoại giao nước sở tại hoặc công hàm bảo lãnh của CQĐD nước ngoài. Thực tiễn tại một số nước, Bộ Ngoại giao chỉ gửi công hàm đề nghị cấp thị thực cho đối tượng là nhân viên, cán bộ của Bộ Ngoại giao; trong khi đó, khách là cán bộ của các cơ quan nhà nước khác của nước sở tại phải thực hiện thêm các thủ tục hoặc xin thị thực theo cơ chế mời đón, bảo lãnh, khiến mất nhiều thời gian, làm giảm ý nghĩa đối ngoại của thị thực SQ. Bên cạnh đó, trên thực tế đã phát sinh một số trường hợp xin thị thực khẩn cấp, vì lý do nhân đạo; đây là những trường hợp hãn hữu, nếu không thể kịp làm thủ tục xin thị thực thông thường thì cần cho phép CQĐD được quyền quyết định cấp thị thực. | Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung chính sách thị thực điện tử theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh (nâng thời hạn lên không quá 3 tháng, có giá trị nhiều lần, giao Chính phủ quyết định các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử). Với thủ tục đơn giản, thuận tiện, minh bạch, nhanh chóng, người nước ngoài không phải đến CQĐD, không phải làm thủ tục đề nghị cấp thị thực qua khâu trung gian, sẽ ưu tiên lựa chọn thị thực điện tử khi có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |
| **2.** | Bộ Quốc phòng | Đề nghị bổ sung đối với quy định tại Điều 33 (Khai báo tạm trú) Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung theo hướng: Bổ sung cụm từ “**hoặc Đồn Biên phòng ở khu vực biên giới, cửa khẩu**” vào sau cụm từ “đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú tại khoản 1 Điều 33  và viết lại như sau: **“Điều 33. Khai báo tạm trú**  *1. Người nước ngoài tạm trú tại Việt Nam phải thông qua người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú để khai báo tạm trú với Công an xã, phường, thị trấn hoặc đồn, trạm Công an nơi có cơ sở lưu trú* ***hoặc Đồn Biên phòng ở khu vực biên giới, cửa khẩu****.Cơ sở lưu trú có trách nhiệm yêu cầu người nước ngoài xuất trình hộ chiếu và giấy tờ có giá trị cư trú tại Việt Nam để thực hiện khai báo tạm trú trước khi đồng ý cho người nước ngoài tạm trú".* Lý do:  a) Cơ sở pháp lý  **\* Các Hiệp định về quy chế quản lý biên giới, cửa khẩu**  - Điều 27 Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào quy định: “*2. Người xuất, nhập cảnh vào khu vực biên giới của mỗi nước phải mang theo giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh qua biên giới còn giá trị, nếu ở qua đêm phải* ***đăng ký tạm trú*** *với công an cấp cơ sở nơi tạm trú* ***hoặc đơn vị chuyên trách bảo vệ biên giới (BĐBP)*** *gần nhất; trường hợp ở qua đêm trong vành đai biên giới phải thông báo cho đơn vị chuyên trách bảo vệ biên giới nơi ở qua đêm biết.*  *3. Cư dân biên giới của một nước (trừ trường hợp sử dụng hộ chiếu và giấy/sổ thông hành) nếu muốn tạm trú tại khu vực biên giới của nước kia quả 07 (bảy) ngày thì phải xin phép* ***đơn vị chuyên trách bảo vệ biên giới (BĐBP)*** *gần nhất của nước đến (hoặc đối với phía Việt Nam là chính quyền cấp xã và đối với phía Lào là cơ quan công an có thẩm quyền gần nhất)…”.*  - Điều 13 Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Campuchia quy định: *“f) Những người dân khu vực biên giới Bên này sang khu vực biên giới Bên kia theo khoản a) Điều 5 Hiệp định này phải có giấy chứng minh biên giới. Nếu đương sự muốn lưu lại khu vực biên giới đó quá ba ngày phải có giấy phép của chính quyền xã hoặc đơn vị bộ đội biên phòng gần nhất bên phía mình cấp. Họ phải xuất trình giấy chứng minh biên giới và giấy phép đó nếu có cho chính quyền cấp xã nơi đến theo đúng Điều 15 - b) dưới đây”.* Điều 15 Hiệp định này quy định: *“b) Những người dân khu vực biên giới ở những nơi xa cửa khẩu chính thì có thể qua biên giới bằng cửa khẩu phụ. Khi qua biên giới* ***phải xuất trình giấy tờ với đồn, trạm biên phòng*** *làm nhiệm vụ kiểm soát ở đó. Ở những nơi không có đồn, trạm kiểm soát, đương sự phải xuất trình giấy chứng minh biên giới cho chính quyền cấp xã nơi mình đến. Nếu thời gian lưu lại khu vực biên giới Bên kia quá ba ngày đương sự phải xuất trình thêm giấy phép nói ở khoản f) Điều 13 Hiệp định này”.*  **\* Các văn bản quy phạm pháp luật trong nước**  - Luật Biên phòng Việt Nam:  + Khoản 2 Điều 13 quy định: *“2. Bộ đội Biên phòng có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước chính sách, pháp luật về biên phòng; thực hiện quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và* ***chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật”.***  + Khoản 2 Điều 14 quy định: *“2. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng về công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia,* ***duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu*** *và xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng”*  - Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  + Khoản 2 Điều 6 quy định: *“2. Đối với người nước ngoài*  *b) Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền phải có giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức chủ quản; cán bộ đi cùng phải có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này, đồng thời cơ quan, tổ chức phải thông báo cho Công an và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết trước ít nhất 24 giờ;*  *c) Trường hợp người nước ngoài đi trong các đoàn đại biểu, đoàn cấp cao vào khu vực biên giới đất liền, cơ quan, tổ chức của Việt Nam (cơ quan mời hoặc làm việc với Đoàn) phải thông báo bằng văn bản cho Công an và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết, đồng thời cử cán bộ đi cùng để hướng dẫn”.*  + Khoản 1 Điều 7 quy định: *“Công dân Việt Nam (trừ cư dân biên giới) và người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền, nếu ở qua đêm phải đăng ký lưu trú tại cơ quan Công an cấp xã sở tại theo quy định của pháp luật. Trường hợp ở qua đêm trong vành đai biên giới phải thông báo bằng văn bản cho Đồn Biên phòng sở tại”.*  - Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2015/TT-BQP ngày 28/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 34/2014/NĐ-CP quy định: *“a) Người nước ngoài thường trú, tạm trú ở Việt Nam vào khu vực biên giới phải có giấy phép do Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi người nước ngoài thường trú, tạm trú hoặc giấy phép của Giám đốc Công an tỉnh biên giới nơi đến; trường hợp ở lại qua đêm trong khu vực biên giới, người quản lý trực tiếp, điều hành hoạt động của cơ sở lưu trú phải khai báo tạm trú cho người nước ngoài với Công an cấp xã sở tại theo quy định của pháp luật; đồng thời Công an cấp xã có trách nhiệm* ***thông báo bằng văn bản*** *theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này cho* ***Đồn Biên phòng sở tại*** *biết để phối hợp quản lý; trường hợp vào vành đai biên giới* ***phải được sự đồng ý và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Đồn Biên phòng sở tại.***  *b) Cư dân biên giới nước láng giềng vào khu vực biên giới phải có đầy đủ giấy tờ theo quy định của quy chế quản lý biên giới giữa hai nước; phải tuân thủ đúng thời gian, phạm vi, lý do, mục đích hoạt động; trường hợp ở lại qua đêm phải đăng ký lưu trú theo quy định của pháp luật Việt Nam, hết thời hạn cho phép phải rời khỏi khu vực biên giới. Trường hợp lưu trả quá thời hạn cho phép* ***phải được sự đồng ý của Đồn Biên phòng*** *hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại”.*  - Điều 7 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: *“2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới biển phải có giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đồng thời phải* ***thông báo bằng văn bản*** *cho Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến biết trước ít nhất 24 giờ; trường hợp người nước ngoài đi trongđoàn đại biểu, đoàn cấp cao vào khu vực biên giới biển, cơ quan, tổ chức của Việt Nam (cơ quan, tổ chức mời hoặc làm việc với đoàn)* ***phải thống báo bằng văn bản*** *cho Công an,* ***Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến*** *biết trước ít nhất 12 giờ ...*  4. *Người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế trong khu vực biên giới biển hoặc có một phần địa giới thuộc khu vực biên giới biển, doanh nghiệp sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bắt đầu làm việc phải thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Công an cấp xã****, đồn Biên phòng sở tại*** *về họ tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày bắt đầu, ngày kết thúc làm việc, nội dung công việc, nơi làm việc, tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức người nước ngoài làm việc”.*  - Điều 6 Thông tư số 162/2016/TT-BQP ngày 21/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều Nghị định số 71/2015/NĐ-CP quy định: “*2. Cơ quan, tổ chức Việt Nam đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới biển theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP* ***phải thông báo bằng văn bản*** *cho Công an,* ***Bộ đội Biên phòng*** *tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh) nơi đến biết; thực hiện theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, viễn thông.*  3. *Người nước ngoài hoạt động theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP phải thông báo bằng văn bản cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Công an cấp xã,* ***Đồn Biên phòng sở tại****; thực hiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính, viễn thông”.*  - Điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21/11/2014 của Chính phủ về quy chế quản lý cửa khẩu biên giới đất liền quy định: *“Người Việt Nam, người nước ngoài lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do chưa hoàn thành thủ tục xuất, nhập đối với người, phương tiện, hàng hóa hoặc những người lưu lại trong khu vực cửa khẩu vì lý do hợp pháp khác, thì* ***phải đăng ký tạm trú và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Trạm Biên phòng cửa khẩu”.***  - Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng quy định: *“2. Người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cửa khẩu cảng*  *b) Phải* ***chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Biên phòng cửa khẩu cảng,*** *các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và các lực lượng chức năng liên quan*  *c) Chậm nhất 12 giờ, trước khi người nước ngoài đến làm việc, hoạt động tại cảng, cơ quan, doanh nghiệp đón tiếp* ***phải thông báo bằng văn bản cho Biên phòng cửa khẩu cảng*** *về họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức người nước ngoài làm việc; thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc làm việc, nội dung công việc, nơi làm việc tại cửa khẩu cảng”.*  b) Cơ sở thực tiễn:  Từ năm 2015-2022, các đơn vị BĐBP đã phát hiện, xử lý 526 vụ/678 đối tượng người nước ngoài ở khu vực biên giới, cửa khẩu không khai báo tạm trú có hành vi vi phạm pháp luật *(XNC trái phép, hoạt động sai mục đích nhập cảnh ở khu vực biên giới, ở lại khu vực cửa khẩu không trình báo, đăng ký với Trạm Biên phòng cửa khẩu...).* | Bộ Công an thấy nên giữ nguyên quy định như Luật hiện hành, do:  - Thứ nhất, việc quy định người nước ngoài vào khu vực biên giới cửa khẩu phải đăng ký tạm trú với Đồn Biên phòng ở khu vực biên giới (được quy định tại các Hiệp định biên giới) hoặc thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (được quy định tại tại các văn bản quy phạm pháp luật) như phân tích của Bộ Quốc phòng **thì người nước ngoài vẫn thực hiện theo các quy định hiện hành.** Do Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã quy định cụ thể về nguyên tắc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú là “Tuân thủ quy định của Luật này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Khoản 1 Điều 4).  - Thứ hai, việc thống nhất một đầu mối tiếp nhận thông tin khai báo tạm trú như hiện nay, đảm bảo công tác thống kê, quản lý. Hiện Bộ Công an đã triển khai lực lượng Công an cấp xã chính quy trên toàn quốc. Do vậy việc tiếp nhận, xử lý thông tin khai báo tạm trú cho người nước ngoài hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Mặt khác, việc khai báo tạm trú cho người nước ngoài hiện nay đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức toàn trình, rất thuận lợị cho cơ sở lưu trú trong việc khai báo tạm trú. |
| Tại khoản 8 Điều 2 dự thảo Luật *(sửa đổi, bổ sung Điều 45),* đề nghị viết lại như sau: *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ sử dụng lao động là người nước ngoài, tổ chức chương trình du lịch hoặc cho người nước ngoài tạm trú qua đêm khi người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam;* ***khi*** *phát hiện dấu hiệu vi phạm phải thông báo cho cơ quan Công an;* ***trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm trong khu vực biên giới, cửa khẩu*** *phải thông báo cho cơ quan Công an* ***hoặc Bộ đội Biên phòng nơi gần nhất****”*. Lý do:  - Các điều ước quốc tế về quản lý biên giới, cửa khẩu do Việt Nam ký kết với các nước có chung đường biển giới và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia đã nêu ở mục 1 phần III công văn này đều quy định: Người nước ngoài xuất, nhập cảnh vào khu vực biên giới, cửa khẩu (kể cả cư dẫn biên giới nước đối diện) hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân (kể cả doanh nghiệp sử dụng lao động, đối tác phía Việt Nam hoặc đại diện của tổ chức phi chính phủ nước ngoài), cơ sở lưu trú đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới, cửa khẩu nếu ở qua đêm, đăng ký tạm trú, lưu trú đều phải thông báo và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của BĐBP nơi gần nhất.  - Bộ Luật Tố tụng hình sự: Điều 145 quy định Bộ đội Biên phòng có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Do vậy khi phát hiện dấu hiệu vi phạm trong khu vực biên giới, cửa khẩu phải thông báo cho BĐBP. | Bộ Công an đề nghị giữ nguyên như dự thảo, vì các lý do sau:  - Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã quy định cụ thể về Nguyên tắc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú là “Tuân thủ quy định của Luật này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên” (Khoản 1 Điều 4).  - Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đã được quy định tại Thông tư liên tịch quy định việc phối hợp của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BCA ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an), trong đó có Bộ đội Biên phòng. |
| Đề nghị bổ sung 01 khoản vào Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều để sửa đổi Điều 26 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định về Quá cảnh đường biển, cụ thể:  Điều 26 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam đã quy định về người nước ngoài quá cảnh đường biển, nhưng chưa quy định rõ đối tượng người nước ngoài nào được quá cảnh đường biển. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 26 theo hướng như sau:  *“Người nước ngoài đi theo tàu mà không rời tàu khi đến các cảng biển của Việt Nam nhưng không phải là thuyền viên được định biên trên tàu và hành khách nhập cảnh (bao gồm các trường hợp tàu nhập cảnh, xuất cảnh tại cùng một cảng và chuyển cảng đến nhiều cảng khác của Việt Nam)* ***được hưởng chế độ hành khách quá cảnh****”.* Lý do:  Trên tàu thuyền chở hàng hóa, ngoài thuyền viên *(được định biên thuyền bộ)*, còn có trường hợp người nước ngoài không phải là thuyền viên *(người của hãng tàu, nhân viên kỹ thuật, người thân của thuyền viên...)* đi theo tàu, nhưng không rời tàu trong thời gian tàu thuyền neo đậu, làm hàng tại cảng. Nhiều tàu thuyền sau khi nhập cảnh còn tiếp tục hành trình chuyển cảng đến cửa khẩu cảng khác của Việt Nam. Hiện nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật quy định người nước ngoài thuộc đối tượng này được hưởng chế độ hành khách quá cảnh *(không phải đề nghị cấp thị thực)* hay phải thực hiện chế độ hành khách nhập cảnh *(phải đề nghị cấp thị thực)*. Việc chưa có cơ sở pháp lý gây khó khăn trong công tác kiểm soát xuất nhập cảnh của các đơn vị Biên phòng cửa khẩu cảng. | Bộ Công an thấy, Điều 26Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định người nước ngoài ngoài quá cảnh đường biển được miễn thị thực và phải ở khu vực quá cảnh tại cửa khẩu cảng biển trong thời gian tàu, thuyền neo đậu và tạo điều kiện cho các trường hợp có nhu cầu vào nội địa tham quan, du lịch theo chương trình do doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Nam tổ chức thì được xét cấp thị thực phù hợp với thời gian quá cảnh.  - Tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh trật tự tại cửa khẩu cảng quy định đã quy định cụ thể trường hợp tàu thuyền nhập cảnh, tàu thuyền xuất cảnh, tàu thuyền quá cảnh. Theo đó hành khách đi theo tàu thuyền nhập cảnh phải làm thủ tục nhập cảnh theo quy định của Nghị định. Đối với trường hợp người nước ngoài đi theo tàu thuyền nhập cảnh không rời tàu như: người của hãng tàu, nhân viên kỹ thuật, người thân của thuyền viên…(nếu xác định không phải hành khách theo quy định) thì Bộ Công an thấy phải làm thủ tục nhập cảnh để đảm bảo thống nhất quy định về tàu thuyền nhập cảnh. Nếu có vướng mắc về khái niệm “hành khách” đi theo tàu nhập cảnh, đề nghị Bộ Quốc phòng nghiên cứu đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 77/2017/NĐ-CP để phù hợp với thực tế. |
| **C. Các nội dung khác** | | | |
| **1.** | Bộ Tư pháp | Về nội dung Dự án Luật, Mục VIII Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023, Chính phủ cơ bản thống nhất với 04 chính sách do Bộ Công an đề xuất tại Tờ trình số 147-TTr-BCA ngày 24/03/3023. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị bám sát các chính sách đã được Chính phủ thông qua và đảm bảo nội dung của Dự án Luật phù hợp với các chính sách. | Bộ Công an nghiên cứu, rà soát đảm bảo nội dung dự án Luật phù hợp, thống nhất với nội dung 04 Chính sách đã được Chính phủ thống nhất tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023. |
| Về thời điểm trình Dự án Luật, Bộ Tư pháp đề nghị bổ sung thông tin về thời điểm trình dự án Luật trên cơ sở nội dung đã được thông qua tại Mục VIII Nghị quyết số 50/NQ-CP. | Về vấn đề này, Bộ Công an có ý kiến như sau: ngày 14/4/2023, tại phiên họp chuyên đề Pháp luật, Ủy ban Thường vụ đã xem xét và thống nhất với đề xuất của Chính phủ về việc xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023); theo đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí trình Quốc hội xem xét bổ sung dự án luật vào Chương trình Xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; cho ý kiến, thông qua dự án luật này theo quy trình 1 kỳ họp tại Kỳ họp thứ 5 theo trình tự thủ tục, rút gọn. |
| Bộ Tư pháp đề nghị thực hiện trình tự, thủ tục soạn thảo Luật theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật BHVBQPPL. Trong đó, lưu ý về thời gian đăng tải dự thảo Luật trong ít nhất là 60 ngày (khoản 1 Điều 57 Luật BHVBQPPL). |
| Về kỹ thuật soạn thảo văn bản, Bộ Tư pháp đề nghị rà soát lại toàn bộ dự thảo Hồ sơ Dự án Luật và chỉnh lý cho phù hợp, như: thống nhất trong cách thuyết minh về căn cứ thực tiễn xây dựng Luật XCNCCDVN và Luật XNCNNN (hiện nay Luật XCNCCDVN có dẫn chiếu cụ thể ra các Điều khoản dự kiến chỉnh sửa, bổ sung, tuy nhiên Luật XNCNNN không thể hiện được nội dung này). | Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, rà soát chỉnh lý Tờ trình đảm bảo tính thống nhất của hồ sơ dự án Luật. |
| **2.** | Bộ Ngoại giao | Bộ Ngoại giao đề nghị rà soát, đảm bảo việc xây dựng Dự án Luật phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cân nhắc tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành[[1]](#footnote-1). | Bộ Công an nghiên cứu, rà soát để xây dựng dự án Luật đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Về ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 39/BCTĐ-BTP ngày 01/4/2023 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an đã có Báo cáo số 458/BC-BCA ngày 01/4/2023 báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; đối với ý kiến tham gia của Bộ Ngoại giao tại Công văn số 900/BNG-LS và Công văn số 1263/BNG-LS ngày 27/3/2023 của Bộ Ngoại giao đã được Bộ Công an tổng hợp, tiếp thu, giải trình tại Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật. |
| Để giải quyết, tháo gỡ khó khăn hiện nay trong thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài một cách căn cơ, bền vững, phù hợp với phương châm “*cung cấp những sản phẩm, dịch vụ mà khách du lịch cần chứ không chỉ là các dịch vụ chúng ta sẵn có*” mà Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo[[2]](#footnote-2), đề nghị thống nhất không áp dụng nguyên tắc mời đón, bảo lãnh đối với người nước ngoài nhập cảnh với mục đích du lịch, tìm hiểu thị trường.  Đối với trường hợp khách có nhu cầu cấp thị thực “truyền thống” với mục đích du lịch, tìm hiểu thị trường, Bộ Ngoại giao cho rằng cần có quy định để các CQĐD Việt Nam ở nước ngoài tiếp nhận hồ sơ xin thị thực của người nước ngoài và cấp thị thực cho khách sau khi có thông báo duyệt nhân sự của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ Công an (tương tự thủ tục cấp giấy miễn thị thực quy định tại Nghị định 82/2015/NĐ-CP của Chính phủ). | Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung chính sách thị thực điện tử theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho người nước ngoài nhập cảnh (nâng thời hạn lên không quá 3 tháng, có giá trị nhiều lần, giao Chính phủ quyết định các nước, vùng lãnh thổ có công dân được cấp thị thực điện tử). Với thủ tục đơn giản, thuận tiện, minh bạch, nhanh chóng, người nước ngoài không phải đến CQĐD, không phải làm thủ tục đề nghị cấp thị thực qua khâu trung gian, người nước ngoài sẽ lựa chọn thị thực điện tử khi có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |
| Đề nghị cân nhắc bổ sung tại khoản 5 Điều 10 (Điều kiện cấp thị thực) theo hướng: “Thị thực điện tử cấp cho người nước ngoài có hộ chiếu *(trừ người mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ)* và không thuộc diện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8 của Luật này” vì người nước ngoài mang hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ là đối tượng cần được quản lý thông qua cơ quan, tổ chức mời đón; đồng thời một số trường hợp được miễn phí theo thỏa thuận hoặc áp dụng có đi có lại giữa Việt Nam và bên liên quan. | Luật không quy định loại hộ chiếu của người nước ngoài khi đề nghị cấp thị thực điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài có thể sử dụng các loại hộ chiếu khác nhau để làm thủ tục đề nghị cấp thị thực điện tử. Mặt khác, việc sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của người nước ngoài thực hiện theo quy định của mỗi nước. |
| Bộ Ngoại giao ủng hộ việc nâng thời hạn e-visa lên 03 tháng và có giá trị một hoặc nhiều lần để tạo thuận lợi hơn cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. Để việc đề xuất sửa đổi này được chặt chẽ, đề nghị Bộ Công an tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 39/BCTĐ-BTP ngày 01/4/2023 về việc bổ sung đánh giá kỹ lưỡng tác động của chính sách này. | Về vấn đề này, Bộ Công an có ý kiến như sau: việc nâng thời hạn e-visa lên 03 tháng và có giá trị một hoặc nhiều lần đã được đánh giá các tác động về kinh tế, xã hội, thủ tục hành chính, bình đẳng giới, pháp luật đối với Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật. Bên cạnh đó, Chính phủ cơ bản thống nhất với 04 chính sách do Bộ Công an đề xuất tại Tờ trình số 147-TTr-BCA ngày 24/03/3023 (Mục VIII Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023); do vậy, Bộ Công an nghiên cứu, rà soát xây dựng dự án Luật trên cơ sở bám sát các chính sách đã được Chính phủ thông qua và đảm bảo nội dung của Dự án Luật phù hợp với các chính sách. |
| Để Chính phủ chủ động đàm phán, thiết lập các cơ chế song phương, đa phương về tạo thuận lợi, ưu đãi về thời hạn thị thực, miễn thị thực với các đối tác mà không cần trình Quốc hội khi đàm phán, ký kết từng điều ước quốc tế cũng như thể chế hóa cơ chế miễn thị thực song phương trên cơ sở có đi có lại (Bộ Ngoại giao đã trình bày cụ thể tại công văn 1263/BNG-LS ngày 27/3/2023), Bộ Ngoại giao đề xuất bổ sung một số quy định như sau:  - Giao Chính phủ xem xét, quyết định việc đàm phán, ký điều ước quốc tế có quy định về thời hạn thị thực lên đến 05 năm, thời hạn tạm trú không gắn với thời hạn thị thực.  - Giao Chính phủ quyết định việc áp dụng miễn thị thực trên cơ sở có đi có lại với đối tác cụ thể. | Tại khoản 9 Điều 9 của Luật đã quy định trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thời hạn thị thực cấp theo điều ước quốc tế. Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 8 Luật Điều ước quốc tế quy định Bộ, cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế đề xuất Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán Điều ước quốc tế nhân danh nhà nước, đề xuất Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán Điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ. Do đó:  - Trường hợp cần nghiên cứu, đàm phán ký kết điều ước quốc tế về thời hạn thị thực, Bộ Ngoại giao có thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ để đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền.  - Đối với việc một số nước tạo điều kiện thuận lợi về thị thực cho công dân Việt Nam, Bộ Ngoại giao cần nghiên cứu, đề xuất Chính phủ để đàm phán ký kết điều ước quốc tế về miễn thị thực song phương với các nước đã tạo thuận lợi cho công dân Việt Nam khi xin thị thực. Do đó, Bộ Công an đề nghị không bổ sung nội dung này vào dự thảo Luật. |
| Về thời hạn thị thực, thời hạn cư trú, gia hạn cư trú của người nước ngoài: Đề nghị điều chỉnh quy định về thời hạn thị thực (Điều 9), thời hạn tạm trú (Điều 31.1) theo hướng một số thị thực du lịch, thăm thân, việc riêng... có thể có thời hạn lên đến 01 năm hoặc 02 năm, thời hạn tạm trú là 30-90 ngày cho mỗi lần nhập cảnh. Đồng thời sửa đổi quy định về gia hạn cư trú (Điều 35) theo hướng người nước ngoài (nhập cảnh theo diện e-visa, đơn phương miễn thị thực...) có thể trực tiếp làm thủ tục gia hạn tạm trú với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, thay vì phải thông qua cơ quan, doanh nghiệp mời đón, bảo lãnh. | Đối với thị thực thăm thân: nếu là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của NNN có thẻ tạm trú; là cha, mẹ, vợ, chồng, con của công dân Việt Nam thường trú ở trong nước có thể được xét cấp thị thực thăm thân với thời hạn tối đa là 01 năm, cấp thẻ tạm trú thời hạn tối đa 03 năm.  Dự thảo Luật đã nâng thời hạn tối đa của thị thực điện tử từ 01 lên tháng lên đến 03 tháng; nâng thời hạn chứng nhận tạm trú cấp cho người nhập cảnh diện đơn phương miễn thị thực từ 15 ngày lên đến 45 ngày là đã rất tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài nhập cảnh, nhất là du khách quốc tế, người có nhu cầu tìm kiếm thị trường (chưa có cơ quan, tổ chức trong nước mời, đón)… Việc cho phép xem xét gia hạn tạm trú đối với trường hợp nhập cảnh theo diện miễn thị thực và chuyển đổi mục đích thị thực đối với người nhập cảnh bằng thị thực điện tử theo quy định của Luật là vừa tạo điều kiện thuận lợi chop người nước ngoài, vừa đảm bảo công tác quản lý. Do đó, Bộ Công an đề nghị giữ như dự thảo. |

**II. Đối với dự thảo Tờ trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Cơ quan tham gia ý kiến** | **Ý kiến tham gia** | **Ý kiến tiếp thu, giải trình** |
| **1.** | Bộ Tư pháp | Về căn cứ pháp lý xây dựng Luật (Mục I.2 dự thảo Tờ trình), Bộ Tư pháp đề nghị rà soát và chỉnh lý trên cơ sở chỉ nêu các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ pháp lý xây dựng Luật (ví dụ như Nghị quyết số 76/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội), đồng thời, cân nhắc chuyển các văn bản hành chính này (ví dụ như: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ…) xuống Mục I.3 dự thảo Tờ trình. | Trong quá trình xây dựng dự án Luật, Bộ Công an tiếp tục nghiên cứu, rà soát chỉnh lý Tờ trình đảm bảo phù hợp. |

1. Báo cáo thẩm định số 39/BCTĐ-BTP ngày 01/4/2023 của BTP; công văn số 900/BNG-LS ngày 06/3/2023 và công văn số 1263/BNG-LS ngày 27/3/2023 của Bộ Ngoại giao. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông báo số 05/TB-VPCP ngày 06/01/2023 của Văn phòng Chính phủ. [↑](#footnote-ref-2)